

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 429/2023/DS-PT
Ngày 14-12-2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Trịnh Thị Phúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 791/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của bà H: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số C, Khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (theo giấy ủy quyền ngày 20 tháng 6 năm 2023).

- **Bị đơn:** Bà Đỗ Thị Út Đ, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Công C, sinh năm 1975;

Cả hai cùng địa chỉ: Số D, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của bà Đ, ông C: Bà Nguyễn Thùy P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số C, ấp D, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (theo giấy ủy quyền ngày 29 tháng 6 năm 2023).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đỗ Thị Út Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2023 và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2022, bà Đ có vay của bà H số tiền 1.362.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng, có viết giấy mượn tiền, mục đích vay tiền để đầu tư bất động sản (mua đất) nhưng đến hạn thanh toán bà Đ không trả tiền vay và tiền lãi mặc dù bà H nhiều lần yêu cầu. Do số tiền trên bà Đ vay nhằm mục đích kinh doanh bất động sản, lo cho kinh tế gia đình nên bà H yêu cầu ông C là chồng bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay là 1.362.500.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất là 1,65%/ tháng, tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2022 đến ngày 08 tháng 6 năm 2023 là 15 tháng, yêu cầu trả một lần.

Tiền lãi tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2022 đến ngày 08 tháng 6 năm 2023 là: $1.362.500.000 \text{ đồng} \times 1,65\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 337.218.750 \text{ đồng}$. Tổng cộng yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi là 1.699.718.750 đồng.

Tại phiên tòa bà N đại diện cho bà H thay đổi yêu cầu tính lãi, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2022 đến ngày 09 tháng 9 năm 2023 là $1.362.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} = 136.250.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền vay và tiền lãi là 1.498.750.000 đồng.

Bà Nguyễn Thùy P là người đại diện ủy quyền cho bà Đ và ông C có lời trình bày như sau:

Qua lời trình bày của bà N là người đại diện theo ủy quyền của bà H là đúng. Do làm ăn thua lỗ nên bà Đ và ông C không có khả năng thanh toán cho bà H số tiền vay và tiền lãi. Bà Đ và ông C đồng ý trả cho bà H số tiền vay 1.362.500.000 đồng nhưng xin bà H không tính tiền lãi. Bà Đ và ông C xin được trả trong thời gian 04 tháng, tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Đ và ông C.

Buộc bà Đ và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền vay và tiền lãi là 1.498.750.000 (một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H 31.490.000 (ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0003465 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Buộc bà Đ và ông C phải liên đới chịu 56.962.500 (năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, bị đơn bà Đ kháng cáo một phần bản án, yêu cầu xem xét không tính lãi vì số tiền 1.362.500.000 đồng, bản chất là tiền các bên hùn nhận chuyển nhượng QSDĐ chứ không phải là tiền vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà H do bà N đại diện trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bà Đ, xác định hai bên có thỏa thuận hùn tiền để nhận chuyển nhượng QSDĐ tại Phường G, thành phố T, tỉnh Long An, khi đó bà H có đưa cho bà Đ số tiền 1.362.500.000 đồng, bà H yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu nhưng bà Đ không đồng ý. Sau đó bà Đ đã sử dụng số tiền trên vào mục đích khác chứ không chuyển nhượng QSDĐ nên hai bên thống nhất số tiền 1.362.500.000 đồng bà H đã giao cho Đ là số tiền vay, bà Đ có viết giấy vay tiền và đồng ý ký tên.

Bị đơn bà Đ do bà P đại diện ủy quyền có lời trình bày: Xác nhận bà Đ có nhận số tiền 1.362.500.000 đồng của bà H. Ban đầu hai bên thỏa thuận hùn tiền để nhận chuyển nhượng QSDĐ tại Phường G, thành phố T nhưng do bà Đ gặp khó khăn nên không nhận chuyển nhượng QSDĐ được mà đã sử dụng số tiền trên vào mục đích khác, sau đó bà Đ đồng ý viết giấy vay tiền của bà H số tiền trên. Do làm ăn khó khăn, nên xin không tính lãi.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Đ kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không trả tiền lãi cho bà H vì bản chất là tiền hùn để nhận chuyển nhượng QSDĐ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền cho nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận xuất phát từ việc bà H và bà Đ hùn tiền để nhận chuyển nhượng QSDĐ tại Phường G nhưng sau đó bà Đ không nhận chuyển nhượng QSDĐ mà dùng số tiền 1.362.500.000 đồng của bà H vào mục đích khác nên ngày 08 tháng 3 năm 2022 bà H và bà Đ thống nhất chuyển thành tiền vay. Như vậy, kể từ thời điểm ký giấy mượn tiền (BL 30), thời hạn mượn 06 tháng thì bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H vào ngày 09 tháng 9 năm 2022 nhưng bà Đ vẫn chưa trả nên bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bà Đ kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Đ kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà Đ về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà H yêu cầu bà Đ và ông C liên đới trả cho bà Đ số tiền vay 1.362.500.000 đồng và lãi suất 10%/năm, tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2022 đến ngày 09 tháng 9 năm 2023 là 136.250.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu trả là 1.498.750.000 đồng, không đồng ý xin trả dần. Bà Đ đồng ý trả cho bà H số tiền 1.362.500.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì bản chất đây là số tiền hai bên hùn để nhận chuyển nhượng QSDĐ chứ không phải là tiền vay.

[3.1] Chứng cứ bà H khởi kiện cung cấp là giấy mượn tiền ngày 08 tháng 3 năm 2023 do bà H viết và bà Đ ký tên có nội dung “có mượn của bà H số tiền 1.362.500.000 đồng, thời hạn 06 tháng”. Bà Đ thừa nhận có xem nội dung biên nhận và ký tên. Bà Đ và bà H thống nhất đây là tiền hùn để hai bên nhận chuyển nhượng QSDĐ nhưng sau đó bà Đ khó khăn nên đã sử dụng số tiền trên vào việc khác nên ngày 08 tháng 3 năm 2022 bà H và bà Đ thống nhất chuyển thành tiền mượn. Như vậy, kể từ thời điểm ký giấy mượn tiền (BL 30), thời hạn vay 06 tháng thì bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H vào ngày 09 tháng 9 năm

2022 nhưng bà Đ vẫn chưa trả nên bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bà Đ kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì khác nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. LỜI đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Út Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Đỗ Thị Út Đ và ông Nguyễn Công C.

1. Buộc bà Đỗ Thị Út Đ và ông Nguyễn Công C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kiều H số tiền 1.498.750.000 (một tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều H 31.490.000 (ba mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kiều H đã nộp theo biên lai thu số 0003465 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Buộc bà Đỗ Thị Út Đ và ông Nguyễn Công C phải liên đới chịu 56.962.500 (năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Đỗ Thị Út Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Đỗ Thị Út Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006501 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền